

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 222/2022/DS-ST

Ngày 29 – 8 – 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản và BTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Đoàn Hữu Nghiệm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2022/QĐXXST-DS ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái Tr. Sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 146, đường Q, khóm N, phường N, thành phố C. (Có mặt)

- Bị đơn: Ngân hàng TMCP P; Địa chỉ: Số 41 và 45, đường Lê Duẩn, phường B, Quận M, thành phố H. Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H – Chuyên viên chính An ninh – Phòng Kiểm soát chất lượng – Khối KHĐC – Ngân hàng TMCP P (Theo Giấy ủy quyền số 04/2022/UQ-OCB ngày 12/7/2022) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, ông Nguyễn Thái Tr trình bày như sau:* Vào ngày 14/01/2019, tôi có ký hợp đồng vay vốn tài chính số BCLI 100228591 tại thành phố Cà Mau với số tiền là 30.000.000đ, thời hạn 36 tháng, với số tiền trả hàng tháng là 1.674.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì nhân viên của ngân hàng luôn vi phạm như: Hàng tháng mặc dù chưa đến ngày thanh toán nhưng lại điện thoại thu tiền quấy rối tinh thần tôi liên tục; Điện thoại cho người thân vu khống tôi thiếu tiền ngân hàng không trả; Thu lệ phí bất hợp lý. Đến ngày 10/7/2020, nhân viên Ngân hàng thông báo tôi còn nợ trên 16 triệu đồng nên tôi đã kiểm tra đối chiếu số tiền đã nộp qua 17 tháng với số tiền 16.670.000đ. Trong đó: Tiền đã đóng 17 tháng x 1.674.000đ = 28.458.000đ. Tiền tất toán hợp đồng ngày 10/7/2020 số tiền là

16.670.000đ. Tổng cộng tôi đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 45.128.000đ. Đến tháng 4/2021 tôi làm hồ sơ vay vốn tại thành phố Cà Mau, qua kiểm tra phát hiện Công ty tài chính P còn treo nợ tôi trên hệ thống Ngân hàng nhà nước. Vì sợ ảnh hưởng đến khoản vay nên buộc tôi đóng thêm trong 03 tháng (tháng 4, 5, 6/2021) với số tiền là 5.022.000đ. Tuy nhiên đến nay nhân viên ngân hàng gọi điện quấy rối tôi liên tục, buộc tôi phải đóng liên tiếp 3 tháng nữa mới hết hợp đồng. Tôi nhiều lần gọi điện đến đường dây nóng yêu cầu ngân hàng thanh lý khoản vay nhưng ngân hàng không giải quyết mà gọi điện, nhắn tin, lảng mạ, khủng bố tôi liên tục.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Ngân hàng P phải trả cho tôi số tiền đóng dư trong 3 tháng (4,5,6/2021) là 5.022.000đ. Xóa bỏ dư nợ hiện tại của tôi trên hệ thống Ngân hàng nhà nước là hơn 7.000.000đ. Đồng thời buộc phải bồi thường tổn thất về sức khỏe và tinh thần cho tôi với số tiền là 50.000.000đ.

** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP P là bị đơn, ông Nguyễn Thanh Hải trình bày tại Bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 13/7/2022 và được bổ sung tại phiên tòa như sau:* Vào ngày 14/01/2019, giữa Ngân hàng và ông Tr có thỏa thuận và đồng ý ký hợp đồng vay vốn tài chính số BCLI 100228591 tại thành phố Cà Mau với số tiền là 30.000.000đ, tiền bảo hiểm là 1.650.000đ, tổng cộng là 31.650.000đ, thời hạn 36 tháng, với số tiền trả hàng tháng là 1.674.000đ như ông Tr trình bày. Hợp đồng kéo dài bắt đầu từ ngày 10/02/2019 đến ngày 10/01/2022. Đến kỳ thanh toán của ngày 10/7/2020 (kỳ thứ 18), ông Tr liên hệ với Ngân hàng đề nghị tắt toán khoản vay trên thì được nhân viên Ngân hàng báo số tiền đủ để tắt toán là 23.420.000đ nhưng ông Tr không đồng ý với số tiền trên và tự tính và tự đóng với số tiền là 16.670.000đ để tắt toán vào ngày 10/7/2020. Đến ngày 11/10/2020, nhân viên Ngân hàng P có liên hệ và báo số tiền 16.670.000đ ông Tr đóng không đủ để tắt toán cho hợp đồng vay, nếu ông Tr không đóng thêm cho đủ thì hàng tháng ngân hàng sẽ trích từ khoản tiền này để thanh toán hàng tháng cho đến khi hết tiền ngân hàng sẽ báo khách hàng thanh toán tiếp.

Đến ngày 12/4/2021, ông Tr có đóng vào tiếp 3 tháng nữa, đến kỳ thanh toán ngày 10/8/2021 thì ông Tr không thanh toán tiếp, đến thời điểm ngày 23/6/2022, tổng dư nợ theo hợp đồng nêu trên đối với ông Tr là 9.879.068đ, trong đó gốc là 8.634.622đ, lãi là 1.244.446đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr ngân hàng không đồng ý. Lý do: Số tiền 5.022.000đ ông Tr đóng vào các tháng 4, 5, 6/2021 là số tiền phải đóng hàng tháng theo thỏa thuận của Hợp đồng vay và hiện ông Tr còn nợ ngân hàng các kỳ đóng tiếp theo nên số tiền này không được hoàn trả lại. Việc Ngân hàng liên hệ thực hiện thu nợ đúng theo quy định pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng nên không có làm tổn hại đến sức khỏe và tinh thần ông Tr nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu ông Tr. Về việc xóa nợ trên hệ thống CIC, khi ông Tr thanh toán hết số nợ còn lại là 9.879.068đ nêu trên thì hệ thống sẽ tự xóa nợ cho ông Tr. Ngân hàng xác định không yêu cầu buộc ông Tr phải đóng số tiền còn nợ theo hợp đồng vay nêu trên trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Thái Tr xác định yêu cầu đòi lại số tiền 5.022.000đ và bồi thường thiệt hại tổn thất về sức khỏe và tinh thần số tiền là 50.000.000đ. Tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái Tr thấy rằng: Ngày 14/01/2019, ông Tr và Ngân hàng TMCP P chi nhánh Bến Thành có ký hợp đồng vay vốn tài chính số BCLI 100228591 tại thành phố Cà Mau với số tiền là 30.000.000đ, tiền bảo hiểm là 1.650.000đ, tổng cộng là 31.650.000đ, thời hạn 36 tháng, với số tiền trả định kỳ hàng tháng là 1.674.000đ. Xét hợp đồng vay nói trên giữa 02 bên hoàn toàn tự nguyện nên có giá trị thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, phía Ngân hàng đã xác nhận và giải ngân cho ông Tr, đồng thời ông Tr đã đóng đủ vốn và lãi đến kỳ thứ 17, vấn đề này được hai bên thừa nhận và xác định không có tranh chấp đối với hợp đồng vay. Đến ngày 10/7/2020 (kỳ thứ 18) ông Tr có yêu cầu thanh lý hợp đồng trước hạn. Khi đó, số tiền phía Ngân hàng báo số tiền phải thanh toán đủ để thanh lý hợp đồng trước hạn là 23.420.000đ. Tuy nhiên ông Tr không đồng ý theo cách tính của Ngân hàng mà tự tính và nộp lại số tiền 16.670.000đ. Qua lời trình bày nguyên đơn xác định thống nhất không có tranh chấp về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất của hợp đồng vay cũng như phí tất toán hợp đồng trước hạn, chỉ tranh chấp về số tiền gốc còn lại tại thời điểm tất toán hợp đồng để làm căn cứ tính số tiền phải nộp để tất toán hợp đồng trước hạn và theo nguyên đơn Hợp đồng đã tất toán xong từ ngày 10/7/2020 nên số tiền 5.022.000đ nguyên đơn đã chuyển vào các tháng 4, 5 và 6/2021 là dư nên đòi lại.

Xét thấy, tại bản Sao kê dự nợ Hợp đồng thì số tiền phải trả hàng tháng cố định là 1.674.000đ trong đó, lãi phải trả định kỳ hàng tháng giảm dần, số tiền gốc phải trả định kỳ hàng tháng tăng dần. Ngoài bản sao kê nêu trên ra, nguyên đơn không cung cấp được có thỏa thuận nào khác thể hiện số tiền gốc, lãi phải trả hàng tháng nên việc ông Tr tự tính và chia đều tiền gốc trả cố định hàng tháng như ông trình bày là không có cơ sở. Do ông Tr tự tính tiền gốc còn lại và số tiền phải tất toán không có cơ sở nên đã nộp số tiền không đủ để tất toán hợp đồng vay trước hạn. Phía Ngân hàng đã thông báo cho ông Tr biết về việc số tiền đã nộp không đủ để thanh lý hợp đồng trước hạn và đề nghị ông Tr nộp thêm để làm thủ tục thanh lý hợp đồng nhưng ông Tr không thực hiện, phía Ngân hàng cũng đã thông báo cho ông Tr về việc số tiền đã nộp không đủ để thanh lý hợp đồng trước hạn nên số tiền đã chuyển được giữ lại và tiếp tục trừ vào tiền hàng kỳ cho đến khi hết số tiền đã nộp. Đối chiếu với bản sao kê số tiền nộp định kỳ hàng tháng thì số tiền ông Tr đã nộp vào chỉ mới đối trừ đến kỳ thứ 26 (tức ngày 10/3/2021). Sau đó ông Tr nộp tiếp 03 kỳ vào các tháng 4, 5 và 6/2021. Như vậy do Hợp đồng chưa được tất toán, vẫn tiếp tục duy trì, theo bản sao kê dự nợ hợp đồng thì đến kỳ thứ 36 (tức ngày

10/01/2021) mới hết hạn hợp đồng. Do số tiền ông Tr đã đóng vào tháng 4, 5 và 6/2021 với số tiền là 5.022.000đ được trừ vào số tiền phải thanh toán theo Hợp đồng vay. Vì vậy ông Tr đặt ra yêu cầu đòi lại số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thái Tr về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự thì căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại “Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường...”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự thì thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm “ a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại...; c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị...d) Thiệt hại khác do luật quy định”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”. Đối chiếu với các quy định trên, ông Tr yêu cầu Ngân hàng TMCP P bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần bị xâm phạm nhưng ngoài lời trình bày, ông Tr không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi xâm phạm đến sức khỏe và tinh thần và có thiệt hại xảy ra nên yêu cầu của ông Tr là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Tr về việc đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr phải chịu án phí đối với yêu cầu đòi lại tài sản. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần do bị xâm phạm thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí sơ thẩm cho ông Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 166, Điều 463, 466, 584, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Các Điều 26, 35, 40, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thái Tr về việc đòi lại tài sản số tiền 5.022.000 đồng và bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Thái Tr phải nộp là 300.000 đồng. Ngày 14/6/2022, ông Tr đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Cà Mau tại biên lai thu số 0001547 được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên